

XUÂN THU HOA

PHẦN I.- NGUYÊN TÁC

Chí Hồng Bàng chín vạn mở Kinh Dương
Bọc trứng ngày trăm con chia núi bể
Giống Tiên Rồng văn hóa cực Viêm phương
Nước Đại Việt xuân thu hùng vạn thế

Đại việt chi ký
Xuân thu chi hương

Đình Tiên Hoàng khi cờ lau Vạn Thắng
Trần Hưng Đạo khi Vạn Kiếp chi cơ
Lê văn Hựu khi chép pho sử thặng
Hàn Nguyễn Thuyên khi đọc tế ngư từ

Đại việt chi ký
Xuân thu chi hoa

Lê Thái Tổ khi Bình Ngô Đại Cáo
Còn non sông anh khí vẫn bàng bàng
Lê Hồng Đức khi vườn Quỳnh chính giáo
Còn non sông nắng hóa vẫn chang chang

Đại Việt chi ký
Xuân thu chi quang

Nguyễn Quang Trung khi bình Thanh thệ chúng
Nguyễn văn Thành khi chén rượu điệu tang
Phan Sào Nam khi chép pho vong quốc
Còn là hồn Đại Việt sống vô cương

Đại Việt chi ký
Xuân thu chi dương

Chí Hồng bàng chín vạn mở Kinh Dương
Bọc trứng trăm con chia núi bể
Giống Tiên Rồng văn hóa cực Viêm phương
Nước Đại Việt xuân thu hùng vạn thế.

Đại Việt chi ký
Xuân thu chi hương.

PHẦN II – CHÚ GIẢI

A.- Giải Nghĩa Những câu Chữ Khó

Xuân Thu hoa: Chữ Xuân Thu ở đây được như hai chữ “Xuân Thu” dùng trong tên kinh Xuân Thu do Khổng Tử viết. Nội dung có tính cách phê phán khen chê, phân biệt phải trái những việc của các triều đại trong nước Lỗ, nay hiểu rộng ra như sách sử ký vậy. Ở đây ta hiểu hai chữ Xuân Thu như hai chữ lịch sử.

Hoa: Phần tinh túy có vẻ tươi đẹp cả sắc lẫn hương. Nghĩa “Xuân Thu Hoa” là lịch sử tươi đẹp.

Quốc miếu: Đền thờ của nước. Nơi thờ Quốc Tổ và các vị anh hùng liệt sĩ.

Tụng: Bài ca tụng, khen ngợi công đức Tổ Tiên cùng các bậc anh hùng liệt sĩ.

Chi Hồng Bàng: Chi lớn của chim đại bàng. Sách Trang Tử nói về chim đại bàng có câu: “Bàng phi cử vạn lý” Chim đại bàng bay chín vạn dặm.

Ngoài ý nghĩa nói trên, chữ Hồng Bàng còn có ý nghĩa tiền sử, mang tính huyền sử nói về nguồn gốc sinh hoạt của dân tộc Bách Việt. Từ cổ đại qua các giai đoạn bái vật thờ chim, thờ rồng trở thành ký hiệu “Hèm – tô tem” Tiên Rồng. Do đó mà có những danh từ: Lạc Hồng, Lạc long, v.v...

Kinh Dương: Vương hiệu của Lộc Tục. Vị tổ của dân Bách Việt. Theo tiền sử cháu ba đời vua Thần Nông (Viêm đế) là Đế Minh đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh gặp nàng Vụ Tiên, kết duyên mà sinh ra Lộc Tục, tức là Kinh Dương vương.

Giống Tiên Rồng: Đã giải thích ở chữ Hồng Bàng ở trên.

Viêm phương: Theo Từ nguyên: Viêm phương tức là nam phương. Phương Nam thuộc hỏa. Hai chữ hỏa thành chữ Viêm (炎). Viêm Đế họ Thần Nông là linh tụ phương Nam.

Vạn thắng: Thắng hết mọi phương tiện. Hai chữ này là vương hiệu của vua Đinh Tiên Hoàng.

Vạn Kiếp: Nơi đóng quân, về sau cũng là nơi an dưỡng tuổi già của Hưng Đạo vương.

Di cơ: Để lại mưu cơ giữ nước về sau. Sử chép khi đức Hưng Đạo bệnh nặng, vua Trần ngự giá đến thăm và hỏi kế hoạch giữ nước. Đức Trần Hưng Đạo đã để lại cho nhà vua những cơ mưu giữ nước.

Lê văn Hưu: Sử gia đầu tiên của nước ta đã hoàn thành pho Đại Việt Sử gồm 30 quyển (khởi sự từ thời vua Thái Tông đến năm 1272 đời vua Thánh Tông thì hoàn thành).

Hàn Nguyễn Thuyên: Ông Nguyễn Thuyên người sáng tạo đầu tiên văn thơ chữ Nôm, ông đọc bài văn tế cá sấu. Sự kiện này trùng hợp với việc ông Hàn Dũ bên Trung quốc. Vua Trần lấy chữ “Hàn” ban cho ông làm họ.

Bàng bàng: Nghĩa như chữ bàng bạc tràn đầy ra khắp nơi.

Lê Hồng Đức: Lê Thánh Tông thực là một đấng minh quân, những sự văn trị và vũ công ở nước Nam ta không có đời nào thịnh hơn đời Hồng Đức.

Riêng về “Vườn Quỳnh chính giáo” là nói về việc nuôi dạy dân, ngài đặt ra 24 điều chính giáo, ra lệnh cho các quan dân địa phương phải đích thân đôn đốc việc giảng dạy.

Bình Thanh thê chúng: Ca tụng võ công của vua Quang Trung diệt giặc Thanh.

Chén rượu diếu tang: Do Nguyễn văn Thành đọc bài văn tế (văn tuyệt hay) ca tụng tinh thần hy sinh xương máu của các chiến sĩ vô danh đã bỏ mình vì nước. Đến lượt cụ Phan Sào Nam tức Phan Bội Châu khi viết pho “Vong quốc sử” bằng tấm lòng thiết tha vì tiền đồ Tổ quốc, dân tộc đã biểu lộ sức sống của nòi giống Đại Việt là vô cương (không biên giới).

B.- ĐẠI Ý TỔNG QUÁT

Ca tụng công đức tiền nhân. Từ tổ tiên sáng lập qua các thế hệ chiến đấu, sáng tạo, xây dựng văn minh. Ghi lại từng điểm vàng son chói của hồn sử Việt.

C.- Ý NGHĨA CHI TIẾT

Ý nghĩa lớn lao của chim Hồng Hộc, chim đại bàng, biểu tượng ý chí lớn lao của dân tộc từ buổi Hồng Bàng từ vua Kinh Dương Vương dựng nền đạo thống, Tổ truyền của dân tộc Bách Việt. Từ bọc trứng trăm con của Âu Cơ và Lạc Long chia ra một nửa theo cha xuống bể, một nửa theo mẹ lên núi, đánh dấu sự phát triển nền văn hóa Tiên Rồng lan rộng khắp cõi Viêm phương. Do đó mà nước Đại Việt ngày một hùng cường cho đến muôn đời.

Lịch sử nước Đại Việt ghi những nét hoa tươi đẹp:

- Ngày vua Đinh Tiên Hoàng phát ngọn cờ lau dẹp tan 12 sứ quân, thống nhất bờ cõi, uy danh Vạn Thắng vô cùng hiển hách.

- Ngày Trần Hưng Đạo đại phá quân Nguyên giữ vững giang sơn cho giống nòi muôn thuở. Tiếp đến ngày Vạn kiếp còn để lại cơ mưu giữ nước lâu dài cho mai hậu.

- Ngày sử gia Lê văn Hưu hoàn thành một cách vẻ vang pho sử ký đầu tiên của nước nhà.

- Ngày Hàn Nguyễn Thuyên sáng tạo ra lối văn thơ chữ Nôm, nêu cao tinh thần sáng tạo với ý chí độc lập văn tự. Khi đọc bài văn tế cá sấu bằng chữ nôm được vinh dự vua ban cho họ Hàn.

Những công đức chiến đấu, xây dựng, mở mang bờ cõi, xây dựng văn minh, lại một lần nữa lịch sử Việt ghi những nét hoa tươi đẹp. (Kiến quốc tập hợp về một mối để giữ nước. Kiến quốc về văn hóa, nêu cao sử, văn tự).

- Vua Lê Thái Tổ mười năm chiến đấu gian khổ nhưng kiên cường bất khuất, đã dẹp tan quân Minh và ban bố lời “Bình Ngô Đại Cáo”, làm chấn

động cả trong ngoài. Làm cho non sông bừng dậy luồng sinh khí bàng bạc khắp cõi trời Viêm.

- Vua Lê Hồng Đức mở ra một thời văn minh sáng lạn, trong đó có việc vườn Quỳnh chính giáo là việc nuôi dậy dân. Vua ban ra 24 điều chính giáo để giáo hóa nhân dân. Lịch sử nước Đại Việt ghi nét vinh quang chói lọi (Kiến quốc bằng võ quốc, chính trị nêu cao văn minh).

- Vua Nguyễn Quang Trung, bằng võ công oanh liệt, ngày bình Thanh thề quyết chiến quyết thắng trước ba quân hùng khí ngất trời cao.

- Nguyễn văn Thành, rót ba tuần rượu, tế các bậc chiến sĩ vô danh đã hy sinh xương máu vì nước. Đọc bài văn tế, lời văn bi hùng tráng khí làm ngậy ngất cỏ hoa.

- Chiến sĩ Phan Sào nam, tức Phan Bội Châu viết pho Vong Quốc Sử. Bằng một nỗi lòng cô nhiệch nêu cao sức sống vô cương của giống nòi Đại Việt. Lịch sử nước Đại Việt ghi một sức sống mãnh liệt bừng bừng (Kiến quốc bằng võ quốc với võ công và văn học, nêu cao chí khí)

Những nét sử ghi lại như hoa thơm, như đuốc sáng, sức sống mãnh liệt bừng bừng, nối tiếp nguồn gốc ý chí lớn lao của Hồng Bàng mở đầu kỷ nguyên từ Kinh Dương quốc tổ. Lớn lao lên từ trăm con một bọc, chia ra núi bể rồi lan tràn khắp cõi Đại Nam Hải. Triển khai nền văn minh Tiên Rồng rực rỡ suốt cõi trời Viêm, viết nên trang sử Đại Việt hùng cường muôn đời bất diệt. Nước Đại Việt ghi chép nên trang lịch sử thơm tho.

D.- BÌNH LUẬN

Xuân Thu hoa là một bài văn tế, xưng tụng công đức Tổ tiên trong những dịp có tổ chức đại lễ tại nhà Quốc miếu. Nội dung bài tụng là những nét vàng son sử sách. Bằng tình yêu với máu đào, bằng những con tim bộ óc, những bàn tay và mồ hôi nước mắt viết lên trang sử oanh liệt này. Nguồn gốc từ Hồng Bàng, Kinh Dương qua các thời đại tiếp nối.

Tụng lên trong quốc miếu với hai mục đích: Tuy tự báo bản, hướng về dĩ vãng vẻ vang để tác động, khuyến khích mở mang về tương lai. Đây là dụng ý của tác giả trong tinh thần câu: "Ba sinh còn hồn mộng đôi nơi." Phần nội dung có ý nghĩa uyên nguyên phong phú đã đành, về cách cấu trúc hình thức cũng không kém vẻ tân kỳ đặc biệt. Bài văn gồm 5 đoạn chính bằng thể văn mới tám chữ. Cách gieo vần rất tài tình. Bốn câu bốn vần chứ không phải bốn câu ba vần như xưa. Trắc vần với trắc, bằng vần với bằng; câu một vần với câu ba (dương vần theo dương), câu hai vần với câu bốn (âm vần theo âm). Có thể nói là "Âm dương giao hử", "loan phụng hòa minh".

Mỗi đoạn chính có bốn câu. có thêm hai câu nhỏ là đoạn phụ để điểm xuyết cho đoạn chính, nên năm đoạn thành mười.

Nhìn thấy năm đoạn, đoạn năm lại là lời thơ của đoạn nhất, thế là đoạn chót lại là đoạn bắt đầu (chung nhi phục thủy), tác giả đã khoanh bài thơ lại thành cái vòng, cái vòng liên hoàn quay mãi vô cùng.

Tìm hiểu thơ tác giả thật là khó! Càng nhìn càng thấy cao, càng thấy sâu. Thoạt nhìn thấy ở trước, quay lại thấy đằng sau. Cứ như bâng bạc khắp nơi làm choáng mắt trần gian.

Xuân Thu hoa là một bài thơ đặc biệt mang tính cách quan trọng và tôn nghiêm. Cho nên có nhiều ý kiến đóng góp trong việc tìm hiểu:

Theo ông Tín Hải: Suốt cả bài, ý nghiêm trang, lời chỉnh bị. Chỉ tiếc có một điều nhỏ, tác giả đã dùng lối văn phạm Hán tự với giới từ "chi" ở những câu điệp ngữ cuối mỗi đoạn. Nếu đổi được có thể làm lời văn xúc tích hơn, đỡ lai căng hơn. Song, nếu ta biết vào thời gian tác giả làm bài này Hán học tuy đã tàn nhưng còn đủ mạnh ở những vùng quê trong giới sĩ phu trung lưu; tác giả muốn chinh phục họ để đồng hành.

Một ý kiến khác:

Tại sao lại cho là kém xúc tích để đổi chữ "chi", cho mất cái thần hứng, cái mạch thơ của toàn bài? Toàn bài đã chẳng quá xúc tích rồi sao?

Hãy thử ngâm nga toàn bài theo giọng văn tế vào dịp giỗ Tổ 10 tháng 3 sẽ thấy những "chi" trong năm đoạn, điệp khúc đó tạo nên một bầu không khí uy linh, trang nghiêm kính cẩn...

Xuân Thu hoa: Chữ hoa ở đây nên hiểu theo nghĩa "những bông hoa máu" (Huyết Hoa) tươi thắm trong lịch sử Việt.

Riêng kể tìm thơ, chúng tôi xin góp ý:

Trước hết ý kiến ông Tín Hải cho tác giả đã dùng giới từ "chi" trong những câu điệp ngữ cuối mỗi đoạn, vì đó là lối hành văn của chữ Hán làm kém xúc tích, cần sửa đổi:

Đoạn I - Bỏ chữ "chi" câu trên thay vào bằng chữ "lịch", bỏ chữ "chi" dưới thay bằng chữ "khai", đọc lại cả đoạn là

"Đại Việt lịch ký
Xuân Thu khai hoa"

Đoạn II, chữ "chi" câu trên thay bằng chữ "lịch", chữ "chi" câu dưới thay bằng chữ "Thanh Ba". Đọc lại cả đoạn là

"Đại Việt lịch ký
Xuân Thu Thanh Ba"

Đoạn III, chữ "chi" câu trên thay bằng chữ "lịch", chữ "chi" ở câu dưới thay bằng chữ "Vinh". Đọc lại cả đoạn là

"Đại Việt lịch ký
Xuân Thu vinh quang"

Đoạn IV, chữ "chi" ở câu trên thay bằng chữ "lịch", chữ "chi" ở câu dưới thay bằng chữ "chương". Đọc lại cả đoạn là

"Đại Việt lịch ký
Xuân Thu Chương Dương"

Đoạn V, bỏ chữ "chi" câu trên thay bằng chữ "lịch", chữ "chi" ở câu dưới thay bằng chữ "lửa". Đọc lại cả đoạn là

"Đại Việt lịch ký
Xuân Thu lửa hương".

Để chất chính ý kiến thứ nhất, bình giả thứ hai cho rằng: "Tại sao cho là "lai căng, kém xúc tích" ? Muốn đổi những chữ "chi" làm mất cái hồn, cái thần hứng, cái mạch thơ của toàn bài? Toàn bài chẳng đã xúc tích rồi sao?

Chúng tôi đồng ý với bình giả thứ hai này và muốn góp ý thêm:

Trước hết về cái gọi là "lai căng" mà ông Tín Hải muốn nói về cách dùng văn phạm theo lối văn ngôn cũ của cách hành văn chữ Hán lấy chữ "chi" làm giới từ như thế là "lai căng", làm giảm ý trang nghiêm lời chính bị của bài thơ? Nếu chỉ vì một chữ trong cách hành văn thì lời buộc tội quá khắt khe.

Theo chỗ chúng tôi biết: "Sau cuộc cách mạng văn tự Hồ Thích, văn ngôn bị truất phế, Bạch thoại lên nắm quyền; Chữ "Đích" thế chữ "chi" . Tuy thất thế, song tự cách chức năng của nó trong văn ngôn vẫn giữ nguyên giá trị trong kinh điển triết học, là căn bản đạo đức, tư tưởng của các nhà hiền triết xưa làm nền tảng của một nền văn minh cổ đại ở Á Đông mà thế giới ngày nay vẫn phải công nhận.

Tác giả dùng chữ "Chi" trong những câu điệp khúc của bài tụng này với dụng ý trân trọng đặc biệt:

- Để giới thiệu những tinh hoa lịch sử của nòi giống Đại Việt (Đại Việt chi ký - Xuân Thu chi hoa)

- Là một âm thanh "trầm, trong" để hòa vào những tiếng "bổng, đục" trong điệp khúc ngắn đệm vào cuối những cung dài. Đó là một "xoang" hòa tấu tuyệt vời (linh nhạc này cung thương).

- Dài, ngắn, thấp, cao, nhạt, khoan, trầm, bổng đó là đặc tính của một âm, một dương mà biểu tượng là hai chữ Tiên + Rỗng hèm thiêng của nòi giống Bách Việt.

Tác dụng của chữ "chi" ở đây quan trọng là như thế, sao lại cho là không xúc tích? Nó vượt lên trên mọi khuôn khổ, luật lệ của văn phạm, đứng làm môi giới, biểu dương những nét tinh hoa ghi trong lịch sử năm ngàn năm nòi giống của Đại Việt, tại sao lại bảo là "lai căng"? Nó là nét ngọc lời vàng trong bản "thánh ca" tụng trong tòa quốc miếu mỗi khi có quốc lễ, ai dám bảo là không trang nghiêm?

Ông Tín Hải muốn sửa chữa, thay đổi thơ của tác giả đó là quyền của ông, song chúng tôi thấy ông bỏ chữ "chi" ở câu trên thay bằng chữ "lịch" trong mỗi đoạn ngắn, chúng tôi không hiểu được cái hay của nó ở chỗ nào trước các chữ Xuân Thu đã hàm nghĩa lịch sử rồi. Như thế nó chỉ là cái gì thừa thãi vô duyên; Không những thế, chữ "lịch" là tiếng "trắc" vện nằm chen vào những tiếng trắc, đọc lên thấy không êm tai!

Còn các chữ "chi" ở câu dưới cũng được sửa lại hết, nhưng tự trung vẫn chẳng hơn gì nguyên tác. Ở đây, chúng tôi không muốn dài dòng để chờ dư luận.

Ông Tín Hải còn đưa ra một hoài nghi về dụng ý của tác giả bài tụng. Ông cho rằng có lẽ tác giả vì mục đích tuyên truyền để chinh phục giới sĩ phu trung lưu, để lấy người đồng hành. Ông đã lầm và sai, vì ông nhìn sự việc qua lăng kính chính trị hẹp hòi và lệch lạc...

Đề tài Xuân Thu Hoa biểu dương những nét tinh hoa ghi trong lịch sử, tức là do tình yêu với máu đào, nước mắt và mồ hôi, võ công và văn trị đã tô điểm lên giang sơn tổ quốc những gấm đẹp hoa tươi ghi chép vào trang sử sách giống nòi. Tất cả những yếu tố ấy đúc lên lời "thánh ca", tụng lên những công đức của Tổ Tiên trong quốc miếu vào những dịp có quốc lễ tôn nghiêm./.